**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ NINH HÒA**
**TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-08/02/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thùy My**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Lơn**

Ông **Võ Hoàng Ái**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đoàn Vũ Kim Kúc** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 571/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1970

Địa chỉ: thôn N, xã P, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trương Hùng C, sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn N, xã P, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2017, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:* Bà và ông Trương Hùng C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông C uống rượu về nhà đánh đập, xúc phạm bà O; ông C không quan tâm chăm sóc vợ con và không có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra, ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hơn sáu tháng nay vợ chồng không còn chung sống với

nhau. Mặc dù, bà O đã nhiều lần khuyên giải và có nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng vợ chồng không hàn gắn được, cho đến nay bà O không còn tình cảm với ông C, vợ chồng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có tất cả 03 người con chung tên là Trương Minh Q, sinh năm 1996; Trương Thị Thanh H, sinh năm 1998 và Trương Thị Thanh N, sinh ngày 10/8/2001; Các cháu Q và H đều đã trưởng thành, bà O yêu cầu nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Trương Hùng C trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị O tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Ninh Hòa, Khánh Hòa.

Nay bà O xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có tất cả 03 người con chung, cháu Trương Minh Q, sinh năm 1996 và Trương Thị Thanh H, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành. Ông C yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thanh N, sinh ngày 10/8/2001, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa trình bày quan điểm:*

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Trương Hùng C đã được Tòa tống đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Trương Hùng C đã được Tòa án tống đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Hùng C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị O yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hùng C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

3.1 Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị O và ông Trương Hùng C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến năm 2009 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Ninh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46 quyển số: 01/2009, cấp ngày 08 tháng 9 năm 2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị O và ông Trương Hùng C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu nhưng đến năm 2005 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông C không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, trong đời sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, kình cãi nhưng sau mỗi lần phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không ngồi lại với nhau để tìm hiểu nguyên nhân và tìm cách khắc phục. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng phai nhạt dần cho thấy đời sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông C vẫn cố tình vắng mặt nên coi như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, qua đó cho thấy ông C không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống chung hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn của bà O là có căn cứ. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O, là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Vợ chồng có tất cả 03 người con chung tên là Trương Minh Q, sinh năm 1996; Trương Thị Thanh H, sinh năm 1998 và Trương Thị Thanh N, sinh ngày 10/8/2001. Các cháu Q và H đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét. Bà Nguyễn Thị O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Thị Thanh N; bà O không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thanh N, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong vụ án này, xét thấy từ

khi bà O và ông C không còn chung sống với nhau; cháu N sống cùng với mẹ, việc nuôi dưỡng cháu N là do bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai, ông C có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N nhưng ông C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại phiên tòa, ông C vẫn cố tình vắng mặt nên coi như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ theo bản tự khai có trong hồ sơ, cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, việc Hội đồng xét xử giao cháu Trương Thị Thanh N, sinh ngày 10/8/2001 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Bà O không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa, ông Trương Hùng C vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị O phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O. Bà Nguyễn Thị O được ly hôn với ông Trương Hùng C.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Thị Thanh N, sinh ngày 10/8/2001 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà O không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ông Trương Hùng C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003244 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn Thị O đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Phạm Thùy My**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã P, khi án có hiệu lực;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.